

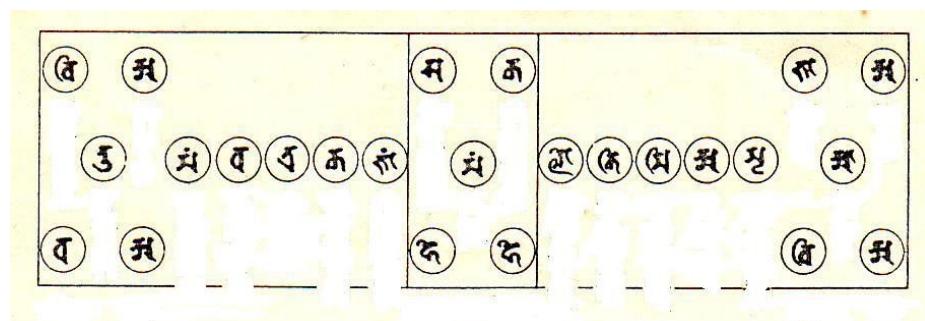
## VĂN THÙ VIỆN

Văn Thù Viện có vị trí tại phương trên của Thích Ca Viện, tức lớp thứ ba ở phương Đông trong Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La, thuộc Phật Bộ.

Do dùng Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát làm Chủ Tôn cho nên gọi là Văn Thù Viện.

Viện này là sự **mở thấy chứng ngộ** thuộc ba loại trang nghiêm không tận của Đại Nhật Như Lai, đại biểu cho Bát Nhã Diệu Tuệ

Viện này gồm có 25 Tôn được trình bày như sau:



\_ Lớp bên trái có 10 Tôn

. ) Hàng trên có 2 Tôn:

1\_ Phì Xa Gia (፩)

2\_ A nhĩ Đa (፪)

. ) Hàng giữa có 6 Tôn:

1\_ Đồng Mẫu Lô (፪)

2\_ Diệu Âm Bồ Tát (፫)

3\_ Nguyệt Quang Bồ Tát (፬)

4\_ Vô Cấu Quang (፭)

5\_ Bảo Quan Bồ Tát (፮)

6\_ Quang Võng Bồ Tát (፯)

. ) Hàng dưới có 2 Tôn:

1\_ Xả Gia (፰)

2\_ A Ba La Nhĩ Đa (፪)

\_ Lớp giữa có 5 Tôn

. ) Hàng trên có 2 Tôn:

1\_ Đại Thánh Quán Âm (፪)

2\_ Đại Thánh Phổ Hiền (፮)

. ) Hàng giữa có 01 Tôn là Văn Thù (፪)

. ) Hàng dưới có 2 Tôn:

1\_ Bất Khả Việt Thủ Hộ (፯)

- 2\_ Tương Hướng Thủ Hộ ( 彙 )  
 \_ Lớp bên phải gồm có 10 Tôn  
 .) Hàng trên có 2 Tôn  
 1\_ Văn Thù Phụng Giáo Giả ( 師 )  
 2\_ Văn Thù Phụng Giáo Giả ( 師 )  
 .) Hàng giữa có 6 Tôn  
 1\_ Kế Thiết Ni Đồng Tử ( 師 )  
 2\_ Ưu Bà Kế Thiết Ni Đồng Tử ( 師 )  
 3\_ Chất Đát La Đồng Tử ( 師 )  
 4\_ Địa Tuệ Đồng Tử ( 師 )  
 5\_ Triệu Thỉnh Đồng Tử ( 師 )  
 6\_ Bất Tư Nghị Tuệ Đồng Tử ( 師 )  
 .) Hàng dưới có 2 Tôn  
 1\_ Văn Thù Phụng Giáo Giả ( 師 )  
 2\_ Văn Thù Phụng Giáo Giả ( 師 )

### **1\_ Văn Thù Bồ Tát (Mañju'srī):**

Mañju'srī lại xưng là Văn Thù Sư Lợi, Mạn Thù Thất Lợi, Mān Tố Thất Lý. Dịch ý là Diệu Đức, Diệu Cát Tường, Diệu Lạc, Pháp Vương Tử, Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân, Như Đồng Văn Thù Bồ Tát.

Thông thường thấy Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát (Samantabhadra) đồng là hai vị Bồ Tát theo hầu Đức Phật Thích Ca. Trong đó Văn Thù biểu thị cho **Trí, Tuệ, Chứng** còn Phổ Hiền biểu thị cho **Lý, Định, Hạnh**. Cả hai vị đều biểu hiện cho Lý Trí, Định Tuệ, Hạnh Chứng đã hoàn toàn viên mãn của Đức Phật.

Trong Viện này thì Văn Thù là Tôn ở chính giữa Viện và xưng là **Ngũ Kế Văn Thù**.

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, hiện hình Đồng Tử, đỉnh đầu có 5 búi tóc. Tay phải ngửa lòng bàn tay hướng đầu ngón tay về bên phải. Tay trái cầm hoa sen xanh bên trên có chày Tam Cổ dựng đứng, ngồi trên hoa sen trắng.

Thân màu vàng ròng biểu thị cho sự bền chắc của Tuệ thăm sâu.

Đỉnh đầu có 5 búi tóc biểu thị cho việc thành tựu đầy đủ 5 Trí của Như La.

Nhân làm duyên cho Nhân Duyên của Bản Thệ mà thị hiện làm hình Đồng Chân Pháp Vương Tử.

Hoa sen xanh biểu thị cho sự chẳng nhiễm dính các Pháp.

Kim Cương Trí Tuệ Ấn biểu thị cho việc hay dùng ánh sáng Trí chiếu soi khắp Pháp Giới



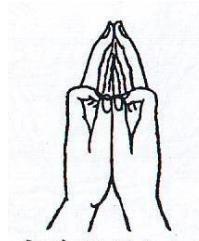
Mật Hiệu là: **Bát Nhã Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MAM (ਮ)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ trên hoa sen, hay rương Kinh Phạn.



Tướng Án là: Văn Thù Sư Lợi Án



Chân Ngôn là:

ନାମ୍ହ ସମର୍ତ୍ତ ଏକନାମ ଦୁଃ କୁମାରକ ଅଶ୍ଵ ପର୍ବତ ଶର୍ମି  
ଏ ସତ୍ତ୍ଵଙ୍କ ମନ୍ଦ

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNAM\_ HE HE KUMĀRAKA VIMUKTI  
PATHĀ STHITA\_ SMARA SMARA PRATIJÑAM \_ SVĀHĀ

## 2\_ Đại Thánh Quán Âm (Àrya-avalokite'svara):

Avalokite'svara dịch âm là A Phôc Lô Chỉ Đế Tháp Phật La. Dịch ý là Quán Tự Tại, tức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Lại tên Phạn Àrya-avalokite'svara có nghĩa là Thánh Quán Thế Âm với Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahà-sthama-pràpta) cùng theo hầu cận Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây và được xưng tên chung là **Tây Phương Tam Thánh**

Tôn này là vị Bồ Tát có bản nguyện dùng Từ Bi cứu độ chúng sinh.

Phàm chúng sinh gặp nạn mà tụng niệm danh hiệu của Ngài thì tức thời Bồ Tát quán âm thanh ấy liền đến cứu giúp cho nên xưng là Quán Thế Âm. Lại do Bồ Tát này ở cảnh Sư Lý không ngại cho nên xưng là Quán Tự Tại Bồ Tát.

Tôn này còn biểu thị cho **Giác Tính nội tại** ẩn khuất tại nơi rất sâu xa trong tâm của chúng sinh, chẳng bị sự ràng buộc của phiền não mà hay được đại tự tại cho nên xưng là Quán Tự Tại.

Trong Văn Thù Viện thì Tôn này biểu thị cho Đức **Quyền Trí**

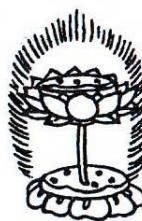
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm hoa sen, tay phải ngửa lòng bàn tay úp trên đùi phải, ngồi trên hoa sen.



Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (ສ)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen nở rộ.



Tướng Án là: Bát Diệp Án.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମତ ବୁଦ୍ଧାନାମ

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_SA

**3\_ Đại Thánh Phổ Hiền** (Ārya-samanta-bhadra, hoặc Vi'sva-bhadra):

Samanta-bhadra dịch âm là Tam Mạn Đa Bạt Đà La, Tam Mạn Đà Bạt Đà, Bạt Thủ Bạt Đà. Dịch ý là Biến Cát Bồ Tát.

Do thân tướng của Bồ Tát này ở khắp tất cả mọi nơi đều thuần một sự Diệu Thiện cho nên gọi là Phổ Hiền.

Phổ Hiền Bồ Tát đại biểu cho Lý Đức và Định Đức của tất cả chư Phật. Ngài còn đại biểu cho tất cả Hạnh Bồ Tát, tượng trưng cho tinh thần Đại Thừa cứu cánh, đại biểu cho Bản Thể **Hạnh Đức** của tất cả Bồ Tát.

Trong Mật Giáo thì Phổ Hiền Bồ Tát đồng thể với Kim Cương Tát Đạo.

Tại Văn Thù Viện thì Tôn này biểu thị cho Hạnh Nguyện rộng lớn

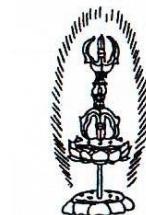
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen bên trên có chày Tam Cổ, ngồi trên đài sen.



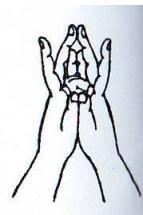
Mật hiệu là: **Chân Như Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KA (KA)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ trên hoa sen



Tướng ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ समांत्बहद्रया स्वाहा

OM SAMANTA-BHADRÀYA SVÀHÀ

#### 4\_ Bất Khả Việt Thủ Hộ (Durdharṣa-dvāra-pāla):

Durdharṣa-dvāra-pāla lại xưng là Nan Trì, Nan Thắng, Đối Hộ Môn, Phụng Giáo Giả, Vô Năng Kiến Giả thường thủ hộ bên phải cửa nẻo bên trong (Nội Môn), vâng nhận Giáo Sắc của Đức Như Lai giúp giữ cửa Pháp (Pháp Môn)

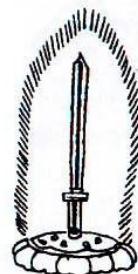
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền để ngang ngực, hướng mặt về bên trái, giao hai ống chân mà ngồi



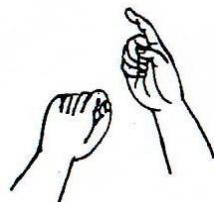
Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𠵼), hay KHA (𠂇)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Ấn là: Bất Khả Việt Thủ Hộ Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମତ ଦୁରଧର୍ଷ ଦୁରଧ ମନ୍ତ୍ରାଖଳ୍ପ ଶଦ୍ୟ ସତ ଗଣଗକ୍ଷେତ୍ରମୁଦ୍ରା

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNAM\_DURDHARSHA, MAHÀ ROŠANA  
KHÀDAYA \_ SARVA TATHÀGATA- AJÑAM KURU\_ SVÀHÀ

### 5\_ Tương Hướng Thủ Hộ (Abhimukha-dvàra-pàla):

Abhimukha-dvàra-pàla có vị trí cùng đối với **Bất Khả Việt Thủ Hộ** cho nên xưng là **Tương Hướng Thủ Hộ**. Xưng đầy đủ là Tương Hướng Thủ Hộ Môn Giả, hoặc là Đối Diện Hộ Môn Giả, Tương Hướng Kim Cương

Tôn này cũng vâng nhận Giáo Sắc của Đức Như Lai giúp giữ cửa Pháp (Pháp Môn)

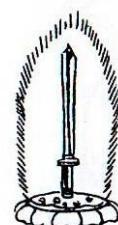
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái cầm cây kiếm, tay phải nắm quyền duỗi thẳng ngón trỏ, hướng mặt về bên phải, giao ống chân mà ngồi



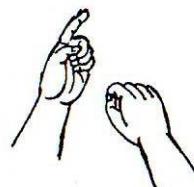
Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𠨵), hay KHA (𠂇)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm



Tướng Ấn là: Tượng Hướng Thủ Hộ Ẩn.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମାତ ସଦ୍ଧାରଣ ଶକ୍ତିଶାର କମଳାଶରଣ ମନୁଷ୍ୟର ପ୍ରାଚୀନ  
ଦ୍ୟାମ କ୍ରିଯାଧରମ ସମ୍ମାନ ମହାଶ୍ରଦ୍ଧାରୀ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNAM\_ ABHIMUKHA HE MAHĀ  
PRACANDA ABHIMUKHĀ GRHNĀ KHADAYA KIMCIRĀYASI  
SAMAYA MANUSMARA\_ SVĀHĀ

### 6\_ Quang Võng Bồ Tát (Jàlini-prabha):

Jàlini-prabha dịch âm là Chế Lợi Nê Ba La Bà (Hoặc Prabha-jàla: dịch âm là Ba La Bà Xà La). Là một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù.

Tôn này tượng trưng cho ánh sáng Trí Tuệ của Văn Thù Bồ Tát như cái lưỡi vòng khấp Pháp Giới, dùng mọi loại Anh Lạc trang nghiêm cái lưỡi của Giáo (Giáo Võng) tung rộng khấp mười phương làm lợi ích cho chúng sinh.

Tôn này biểu thị cho Đức của **Nội Chứng**

Tôn Hình: Hình Đồng Tử màu vàng, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải cầm sợi dây, ngồi trên tòa hoa sen đỏ.



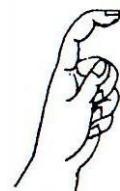
Mật Hiệu là: **Sắc Tướng Kim Cương**, tức nghĩa *tướng trang nghiêm của Diệu Tuệ*

Chữ chủng tử là: JAM (জাম), tức nghĩa *Sinh chẳng thể đắc*

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu, hoặc sợi dây.



Tướng Ấn là: Quang Võng Câu Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମତ ଏହୁନ୍ତ କନ କୁମର ମଧ୍ୟାଗ ଶଶ୍ୟ ଶିଖ ଶନ୍ତ  
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNAM\_ HE HE KUMĀRA MĀYĀGATA\_  
SVABHĀVA STHITA\_ SVĀHĀ

### **7\_ Bảo Quan Bồ Tát (Ratna-kuṭa, hoặc Ratna-makuṭa):**

Ratna-makuṭa dịch âm là La Đát Na Ma Câu Tra. Lại xưng là Bảo Quan Đồng Tử, Bảo Quan Đồng Tử Bồ Tát.

Bảo Quan (cái mão báu) dịch ý là trang nghiêm tượng trưng cho Đức đặc biệt **Phước Tuệ Trang Nghiêm** của Văn Thủ Bồ Tát, hay làm lợi ích cho tất cả chúng sinh khiến cho kẻ ấy được Phước Tuệ trang nghiêm.

Tôn Hình: Thân màu vàng, tay phải ngửa lòng bàn tay ngang ngực, cầm Tam BIện Bảo Châu. Tay trái mở khuỷu tay cầm hoa sen xanh, bên trên hoa có cái mão báu. Ngồi Bán Già trên tòa hoa sen đỏ.



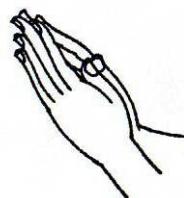
Mật Hiệu là: **Trang Nghiêm Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KA (ក)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc báu, hoặc mão báu trên hoa sen.



Tướng Ấm là: Liên Hoa Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମର୍ତ୍ତ ଦୁଃଖାଶ୍ରାଏ ଶମତ ଶକ୍ରରୌ ପମାତ୍ର ଶରୀର ଅ ଅ  
ଦୁଃଖାଶ୍ରାଏ

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNĀM\_ SARVATHÀ-VIMATI-VIKIRANA-DHARMA-DHĀTU NIRJĀTA SAM SAM HA \_ SVĀHĀ

### **8\_ Vô Cầu Quang Bồ Tát (Vimala-prabha):**

Vimala-prabha lại xưng là Vô Cầu Quang Đồng Tử., là một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này chủ yếu biểu hiện cho Lý **Tất Cánh Không** của Văn Thù Bồ Tát, dùng Bản Tính trong sạch không dơ phóng toả ánh sáng ra bên ngoài cho nên xưng là Vô Cầu Quang Bồ Tát.

Tôn Hình: Hình Đồng Tử, tay phải cầm cái bát báu bằng Mā Nāodĕ dưới rốn. Tay trái cầm hoa sen xanh chưa hé nở. Ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: Ly Trần Kim Cương

Chữ chủng tử là: TRA (ණ)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa hé nở.



Tướng Ấn là: Quang Võng Câu Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମାତ ବୁଦ୍ଧାନାମ ହେ କୁମାର ବିଚିତ୍ର ଗତି କୁମାର ମନୁସମାରା  
ଶବ୍ଦ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ HE KUMĀRA\_ VICITRA\_ GATI\_  
KUMĀRA MANUSMARA\_ SVĀHĀ

### 9\_Nguyệt Quang Bồ Tát (Candra-prabha):

Candra-prabha lại xưng là Nguyệt Tịnh Bồ Tát, Nguyệt Quang Biển Chiếu Bồ  
Tát.

Tôn này biểu thị cho việc gìn giữ kho báu Chính Pháp

Tôn Hình: Quyền phải để ngang eo, cầm hoa sen, bên trên hoa có nửa vành  
trăng. Tay trái dựng quyền cầm hoa sen chưa nở. Ngồi ngay thẳng trên đài sen.



Mật Hiệu là: **Uy Đức Kim Cương**

Chữ chủng tử là: CA (𠂇)

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen đế nửa vành trăng.



Tướng Án là: Chấp Liên Hoa Án.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମତ ବୁଦ୍ଧାନାମ ଚନ୍ଦ୍ରପ୍ରଭାୟା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ CANDRA-PRABHĀYA\_ SVĀHĀ

#### 10\_ Diệu Âm Bồ Tát (Mañju-ghoṣa):

Diệu Âm Bồ Tát biểu thị cho Đức **Thuyết Pháp** của Văn Thù Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Đồng Tử, tóc có 3 búi, tay phải cầm hoa sen xanh, tay trái cầm rương Kinh Phạn, ngồi trên hoa sen đỏ.



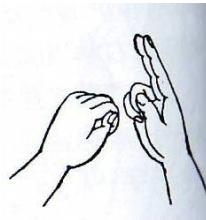
Mật Hiệu là: **Cát Tường Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KI (𠂇), hay MAM (ମାମ)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn.



Tướng Án là: Kế Bảo Ni Đao Án.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମାଂତା ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ହେ କୁମାରିକେ  
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ HE KUMĀRIKE\_  
DAYĀJÑĀNĀM SMARA PRATIJÑĀM \_ SVĀHĀ

Hay ଶର୍ପରା

A RA PA CA NA

### 11\_ Đồng Mẫu Lô (Tumburu):

Tumburu dịch âm là Đô Mâu Lô, Đồng Mẫu Lô. Lại xưng là Đâu Mâu Lô Thiên, Đồng Mẫu La Thiên.

Tôn này là anh của 4 chị em Nữ Thiên, cũng là quyển thuộc của chư Thiên trong Dục Giới.

Tôn này là một biểu hiện của Đức Phật Tỳ Lô Giá Gia, còn 4 chị em Nữ Thiên (Aparàjità, Ajità, Jayà, Vijayà) ở chung quanh tượng trưng cho 4 đặc tính **Thường, Lạc, Ngã, Tịnh** của Niết Bàn

Tôn Hình: Thân màu đen đỏ, răng trên cắn môi dưới, tay phải cầm cây gậy Độc Cổ, tay trái nắm quyền để cạnh eo duỗi ngón giữa ngón trỏ, khoác Thiên Y, giao ống chân ngồi trên tòa Cát Tường



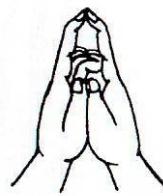
Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: TU (ତୁ), hay KA (କା)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bổng).



Tướng Án là: Chư Phụng Giáo Giả Án.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବ ସମତ ଏଦକ୍ଷା ହୁ ଅଶ୍ୟାନୀଧ୍ୟ ଶନ୍ତ  
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNAM\_ AH\_ VISMAYANIYE \_ SVÀHÀ

### 12\_ A nhĩ Đa (Ajità):

Ajità dịch âm là A Nhĩ Đa, dịch ý là Vô Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyền thuộc của Văn Thủ Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho **Tịnh Đức** của Niết Bàn

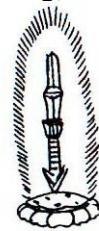
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Đồng Nữ, quyền trái chống eo, tay phải cầm cây gậy Độc Đổ, giao ống chân ngồi trên tòa Cát Tường. (hình bên trên)



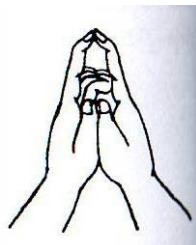
Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (ା)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bổng)



Tướng Án là: Chư Phụng Giáo Giả Án.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବ ସମତ ଦର୍ଶନ ଅ ବିଶ୍ଵାସ ସନ୍ତ

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ AH\_ VISMAYANÌYE \_ SVÀHÀ

### 13\_ A Ba La Nhī Da (Aparàjità):

Aparàjità dịch ý là Vô Năng Thắng, là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyền thuộc của Văn Thủ Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho **Ngã Đức** của Niết Bàn.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Đồng Nữ, quyền trái chống eo, tay phải cầm , tay phải cầm cây gậy Độc Cổ, giao ống chân mà ngồi.(hình bên dưới)



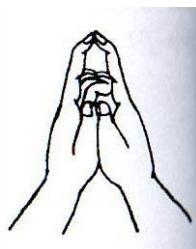
Mật Hiệu là:**Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (ଅ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bổng)



Tướng Án là:Chư Phụng Giáo Giả Án.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବ ସମତ ଦର୍ଶନ ଅ ବିଶ୍ଵାସ ସନ୍ତ

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ AH\_ VISMAYANÌYE \_ SVÀHÀ

#### **14\_ Nị Giả Khiếp Gia (Vijayà):**

Vijayà dịch âm là Nị Giả Gia, Vĩ Nhạ Gia, Tỳ Xã Gia, Vi Thệ Gia, Vi Nhạ Dã. Dịch ý là Tối Thắng, Vô Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyển thuộc của Văn Thủ Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho **Lạc Đức** của Niết Bàn.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay cầm chày Bán Độc Cổ, tay trái co cánh tay đeo ở eo. (hình bên trên)



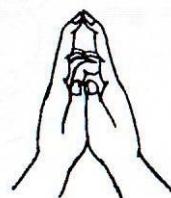
Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VI (၏)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bỗng).



Tướng Án là: Chư Phụng Giáo Giả Án.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମର୍ତ୍ତ ବୁଦ୍ଧନାମ ଅ ବିଶ୍ଵଯନୀୟ ସବା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ AH\_ VISMAÑAYIYE\_ SVĀHĀ

### 15\_ Xả Gia (Jayà):

Jayà dịch âm là Nhạ Gia, Thệ Gia, Xả Gia, Bán Giả Gia. Dịch ý là Thắng, Tôn Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyến thuộc của Văn Thủ Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho **Thường Đức** của Niết Bàn.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay cầm chày Bán Độc Cổ, tay trái co cánh tay để ở eo. (hình bên dưới)



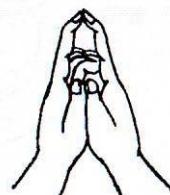
Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: Va (၁), hay JA (၂), hay KA (၃)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bỗng)



Tướng Án là: Chư Phụng Giáo Giả Án.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମର୍ତ୍ତ ବୁଦ୍ଧନାମ ଅ ବିଶ୍ଵମୟନୀୟ ସ୍ଵାହା

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNĀM\_ AH\_ VISMAYANÌYE \_ SVÀHÀ

\_ Văn Thù Sư Lợi Căn Bản Nghi Quỹ, quyển 4 ghi rằng:” Bốn chị em là quyến thuộc của Văn Thù Bồ Tát, Bồ Tát thân cận của nhóm ấy thường đi lại trên Đại Địa để cứu độ chúng sinh”

### **16\_ Kế Thiết Ni Đồng Tử (Ke'sinì):**

Ke'sinì lại xưng là Phát Đoan Nghiêm, là một trong 5 vị Sứ Giả của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Hóa Trí Thanh Tịnh

Tôn Hình: Thân màu vàng, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm hoa sen xanh, hiện hình Đồng Tử.



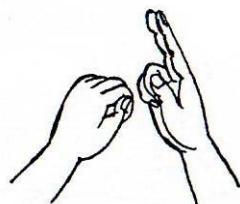
Mật Hiệu là: **Điệu Tuệ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: LO (ဠ), hay KE (ණ), hay KILI (ණ එ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm bén, hay cây đao lớn.



Tướng Ấn là: Kiếm Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମତ ସର୍ବପଦ୍ମ କୁମାରିକେ ସଯଜ୍ଞପଦ୍ମ ଆହ ସତ୍ତ୍ଵ  
ଏ ଦ୍ୟାଜନା

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_KILI HE HE KUMĀRIKE\_  
DAYÀJÑANÀM SMARA PRATIJÑAM \_ SVÀHÀ

### **17\_ Ưu Bà Kế Thiết Ni Đồng Tử (Upake'sinì):**

Upake'sinì lại xưng là Tiểu Kế Thiết Ni Đồng Tử, Ô Ba Đồng Tử, Kế Thất Ni Đồng Tử, Ô Ba Kế Thiết Ni Đồng Tử.

**Upa** là tiếp cận, lê thuộc. **Ke'sinì** là mái tóc đẹp của cô gái. **Upake'sinì** dịch ý là người nữ có mái tóc đẹp.

Ô Ba Kế Thiết Ni Đồng Tử là một trong 5 vị Sứ Giả, một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Tam Muội **Năng Thí** của Văn Thù Bồ Tát

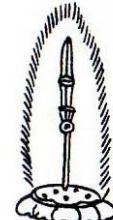
Tôn Hình: Hiện hình Đồng Nữ, đỉnh đầu có ba búi tóc, toàn thân màu vàng. Tay phải để trước ngực cầm cây kích Độc Cổ, biểu thị cho Diệu Đức Sắc bén của Tôn này. Khoác Thiên Y, ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là:**Mật Trì Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KI (ኪ), hay DILI (ዲሊ), hay U (ሸ)

Tam Muội Gia Hình là: Luân La, hay cây kích.



Tướng Án là:Tay phải nắm quyền, duỗi ngón giữa như cây kích.



Chân Ngôn là:

ନମ: ଶମତ ସଦାନାମ ଦିଲି ଭିନ୍ଦହୟା ଜନାନାମ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNAM\_DILI BHINDHAYĀ-JÑĀNAM\_HE KUMĀRIKE\_SVĀHĀ

**18\_ Chất Đát La Đồng Tử** (Citraḥ):

Citraḥ có nghĩa là Nhiêm Sắc. Là một trong 5 vị Sứ Giả của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Đức **Phổ Hiện Sắc Thân** của Văn Thù Bồ Tát

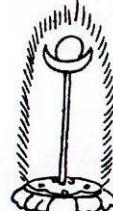
Tôn Hình: Thân màu vàng, tay phải cầm cây gậy (trượng), trên gậy có nửa vòng trăng, trên nửa vòng trăng để vòng trăng đầy. Tay trái cầm hoa sen xanh, ngồi trên hoa sen đỏ.



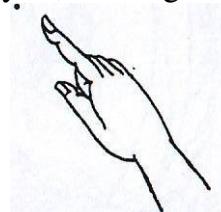
Mật hiệu là: **Cát Tường Kim Cương**

Chữ chung tử là: MI (ሚ), hay MILI (ሚ(ሚ)), hay MR (郿)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Trượng).



Tướng Án là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trỏ và ngón cái.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମତ ଏଦନ୍ତାମିଲି ଶର ଚ ମନ୍ତ୍ର

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_MILI CITRA\_ SVĀHĀ

### **19\_ Địa Tuệ Đồng Tử (Vasumati):**

Vasumati dịch âm là Phộc Tô Ma Đế. Lại xưng là Tài Tuệ Đồng Tử, Trì Tuệ Đồng Tử, Địa Tuệ Đồng Tử. Là một trong 5 vị Sứ Giả, một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Đồng Nữ có ba búi tóc. Tay phải duỗi hướng về bên phải cầm phan phuơng. Dụng quyền trái trước ngực cầm hoa sen xanh có lá nhỏ. Ngồi trên hoa sen đỏ.



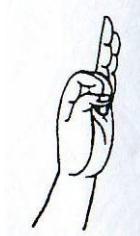
Mật Hiệu là: **Bát Nhã Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (අ), hay HILI (හිලි), hay KR (ක්ර)

Tam Muội Gia Hình là: Phan phuướng.



Tướng Ấn là: Tay trái nắm quyền, dựng thẳng ngón út, ngón vô danh.



Chân Ngôn là:

ନମ: ଶମତ ସମତ୍ସନ୍ଦାର୍ହ କୁ ଶର ଶରକତ୍ସ ଶନ୍ତ

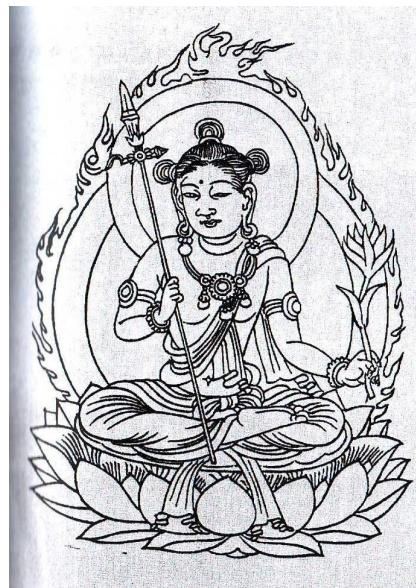
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_HILI HE SMARA JÑĀNA-KETU\_SVĀHĀ

## 20\_ Triệu Thỉnh Đồng Tử (Àkarṣāya, hay Àkarṣanī):

Àkarṣāya dịch âm là A Yết La Tẩy Dã, A Ca La Tẩy Dã. Lại xưng là Triệu Thỉnh Đồng Tử, Triệu Câu Đồng Tử, Câu Triệu Đồng Tử. Là một trong 5 vị Sứ Giả của Văn Thủ Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Đức **triệu thỉnh chúng sinh đến ở Bồ Đề Đạo** của Văn Thủ Bồ Tát.

Tôn Hình: Hiện hình Đồng Tử hoặc hình Đồng Nữ, đỉnh đầu có ba búi tóc, toàn thân màu vàng. Tay phải để trước ngực cầm cây kích Độc Cổ. Tay trái cầm hoa sen xanh có lá nhỏ. Ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Phổ Tập Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MR (မဲ), hay A (အ), hay AH (အဲ)

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu, biểu thị cho nghĩa *Triệu thỉnh câu dấn*



Tướng Ấn là: Tay phải tác Liên Hoa Quyền, duỗi ngón trở rồi hơi co lại như móc câu.



Chân Ngôn là:

နမူ စမန် ရန်တော ဘန်သယ် မန အုန မန် အုနရှု မန

န

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ ÀKARSAYA SARVA KURU  
AJÑAM KUMÀRASYA\_ SVÀHÀ

## **21\_ Bất Tư Nghị Tuệ Đồng Tử (Acintya-mati):**

Acintya-mati là một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay cầm cây gậy (trượng), trên gậy có nửa vành trăng, quỳ ngồi trên hoa sen



Mật Hiệu là: (không rõ)

Chữ chủng tử là: À (𠃑) hay A (𠃑)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy Độc Cổ (Độc Cổ Bổng).



Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମର୍ତ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମା ଅ ବିଶ୍ଵଯାନିଯେ ସବା  
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ AH\_ VISMAYANÌYE \_ SVÀHÀ

## **22\_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kimkarinì):**

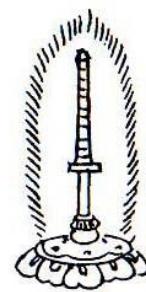
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây kích Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên trên)



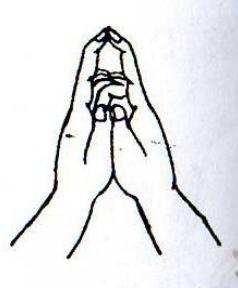
Mật Hiệu là: (chưa rõ)

Chữ chủng tử là: JA (𠃑), hay KI (𠃑)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao



Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମତ ବୁଦ୍ଧନାମ ଅ ବିଶ୍ଵଯାନୀୟ ସବା  
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ AH\_ VISMAYANÌYE \_ SVÀHÀ

### 23\_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kimkarinì):

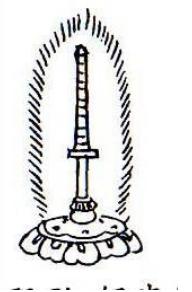
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây kích Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên dưới)



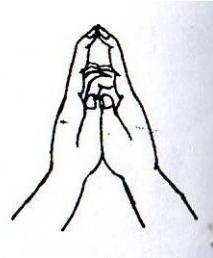
Mật Hiệu là: (chưa rõ)

Chữ chủng tử là: VI (၏), hay KI (၁)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao



Tướng Ấn là: Chu Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବ ସମର୍ତ୍ତ ଏକନାମ ହୁ ଅଶ୍ୱଯନୀୟ ସନ୍ଦା  
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ AH\_ VISMAYANÌYE \_ SVÀHÀ

#### **24\_ Văn Thủ Phụng Giáo Giả (Kimkarinì):**

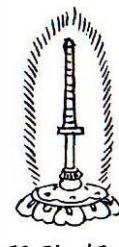
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây gậy Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên trên)



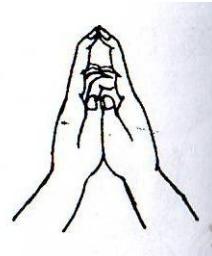
Mật Hiệu là: (chưa rõ)

Chữ chủng tử là: A (ଆ), hay KI (କି)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao



Tướng Ấn là: Chu Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମର୍ତ୍ତ ବୁଦ୍ଧନାମ ଅ ବିଶ୍ଵଯାନିୟ ସବା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ AH\_ VISMAYANIYE\_ SVĀHĀ

### **25\_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kimkarinì):**

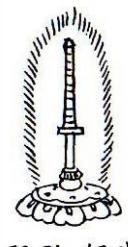
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây gậy Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên dưới)



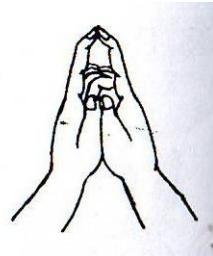
Mật Hiệu là: (chưa rõ)

Chữ chủng tử là: A (ଆ), hay KI (କୀ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao



Tướng Ấn là: Chu Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମର୍ତ୍ତ ସଦାନାମ ଅ ବିଶ୍ଵଯାନିୟ ସବା  
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ AH\_ VISMAYANÌYE \_ SVÀHÀ

Văn Thù Viện biểu thị cho Trí Tuệ của Đại Nhật Như Lai, hay đoạn trừ tất cả lý luận, lại ban cho Phước Đức, nhưng vẫn dùng Trí Đức làm gốc.

Viện này còn biểu thị cho **Nan Thắng Địa** (Sudurjayà-bhùmi). Bồ Tát ở Địa này tu tập viên mãn Thiền Định Ba La Mật (Dhyàna-pàramità), nhân đó mà đạt được sự tương ứng của Nhị Đế (Tục Đế và Chân Đế) trong hoạt động tâm linh.

02/07/2009